

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

MST: 0500578254



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I/2016

Gồm các biểu:

- Bảng cân đối kế toán – Mẫu biểu số B01/DNN
- Báo cáo kết quả kinh doanh – Mẫu biểu số B02/DNN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Mẫu số B03/DNN
- Thuyết minh báo cáo tài chính –Mẫu biểu số B09/DNN

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
PHÚ THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số 1904/MPT-CBTT

V/v: Công bố thông tin báo cáo tài
chính riêng và hợp nhất quý I năm 2016

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2016

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

1. Tên công ty: CTCP MAY PHÚ THÀNH
2. Mã chứng khoán: MPT
3. Địa chỉ trụ sở chính: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội
4. Điện thoại: 043 3651244
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Việt Cường
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1. Báo cáo tài chính riêng quý I năm 2016 của CTCP May Phú Thành được lập ngày 19/4/2016 bao gồm BCDKT, BCKQHĐKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2. Báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2016 của CTCP May Phú Thành được lập ngày 19/4/2016 bao gồm BCDKT, BCKQHĐKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.3. Các nội dung giải trình (nếu có): Không
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ nội dung báo cáo tài chính: www.hnx.vn
www.phuthanhgroup.com

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
**MAY
PHÚ THÀNH**
NGUYỄN VIỆT CƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

MST: 0500578254

-----☞☞☞-----



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I/2016

Gồm các biểu:

- Bảng cân đối kế toán – Mẫu biểu số B01/DNN
- Báo cáo kết quả kinh doanh – Mẫu biểu số B02/DNN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Mẫu số B03/DNN
- Thuyết minh báo cáo tài chính – Mẫu biểu số B09/DNN

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu số B01-DN/HN

Ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý I/2016	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		151,904,890,554	144,283,785,222
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3,679,010,286	7,327,702,168
1. Tiền	111		3,679,010,286	7,327,702,168
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46,680,505,923	43,380,068,525
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	32,312,899,676	29,776,495,364
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2,819,813,372	2,708,766,802
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	9,500,000,000	8,500,000,000
6. Các khoản phải thu khác	136	V.6	2,047,792,875	2,394,806,359
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	96,276,841,269	89,287,985,764
1. Hàng tồn kho	141		96,321,597,269	89,332,741,764
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(44,756,000)	(44,756,000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,268,533,076	4,288,028,765
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	983,196,213	154,151,557
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4,275,351,589	4,123,891,934
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.15	9,985,274	9,985,274
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		82,505,951,282	84,771,470,624
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Tài sản dài hạn khác	216		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B01-DN/HN

Ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý I/2016	Số đầu năm
III. Tài sản cố định	220		53,785,958,837	55,830,430,948
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	53,406,051,611	55,448,248,828
- Nguyên giá	222	V.10	80,431,287,671	80,583,387,670
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	V.10	(27,025,236,060)	(25,135,138,842)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	379,907,226	382,182,120
- Nguyên giá	228		475,200,000	475,200,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95,292,774)	(93,017,880)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5,169,308,000	5,123,630,200
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5,169,308,000	5,123,630,200
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	18,420,000,000	18,420,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		18,420,000,000	18,420,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5,130,684,445	5,397,409,476
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	630,684,445	772,409,476
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		4,500,000,000	4,625,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		234,410,841,836	229,055,255,846

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B01-DN/HN

Ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý I/2016	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		110,059,980,408	107,544,231,451
I. Nợ ngắn hạn	310		94,346,893,142	89,755,214,038
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	15,292,337,504	18,491,299,822
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	3,873,921,114	2,789,827,098
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	5,229,136,269	4,487,499,926
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	130,000,000	130,000,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	262,474,171	35,601,877
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	69,559,024,084	63,820,985,315
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		15,713,087,266	17,789,017,413
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	15,713,087,266	17,789,017,413
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B01-DN/HN

Ngày 31 tháng 03 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối quý I/2016	Số đầu năm
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		124,350,861,428	121,511,024,395
I.1. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	124,350,861,428	121,511,024,395
I.1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		96,000,000,000	96,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		96,000,000,000	96,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
I.1.2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
I.1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
I.1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
I.1.5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
I.1.6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
I.1.7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
I.1.8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
I.1.9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
I.1.10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
I.1.11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		17,946,832,796	15,299,740,265
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		15,211,245,300	2,800,557,736
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2,735,587,496	12,499,182,529
I.1.12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
I.1.13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10,404,028,632	10,211,284,131
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
I.1. Nguồn kinh phí	431		-	-
I.2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		234,410,841,836	229,055,255,846

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu số B02-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2016	Quý I/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	22,937,499,821	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	87,274	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		22,937,412,547	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	16,412,207,373	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6,525,205,174	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	721,048,247	-
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1,634,256,044	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.8	428,401,255	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	1,606,506,513	-
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,577,089,609	-
12. Thu nhập khác	31	VI.6	53,092,106	-
13. Chi phí khác	32	VI.7	48,708,340	-
14. Lợi nhuận khác	40		4,383,766	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,581,473,375	-
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	741,636,343	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2,839,837,032	-
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ	61		2,647,092,531	-
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát	62		192,744,501	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		296	-
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2016

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp gián tiếp

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3,350,821,172	-
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1,741,613,772	
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(267,019,616)	
- Chi phí lãi vay	06		1,574,084,300	
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6,399,499,628	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12,682,322,825)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2,384,792,988	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		58,828	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,374,639,250	
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	
- Tiền lãi vay đã trả	14		1,573,084,300	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	
- Tiền nộp khác từ hoạt động kinh doanh	16		26,000,637,555	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12,467,704,912)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12,582,684,812	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,000,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,233,128	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(998,766,872)	

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Mẫu số B03-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		19,512,196,328	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(35,087,287,357)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15,575,091,029)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3,991,173,089)	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7,670,183,375	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		3,679,010,286	

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hợi

Nguyễn Thị Hợi



Nguyễn Việt Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09-DN

Ngày chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

II. BẠC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May Phú Thành là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500578254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2008 và được đăng ký thay đổi lần thứ thay đổi lần thứ 06 vào ngày 24 tháng 12 năm 2014

Tư sở chính của Công ty tại Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 06 ngày 24/12/2014 là 96.000.000.000 VND (Bằng chữ: Chín mươi sáu tỷ đồng) tương đương 9.600.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất gia công hàng may mặc.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất các loại dệt khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ liên quan đến in; In ấn;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn nông hợp;
- Chuẩn bị mặt bằng; chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn thực phẩm; chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Sản xuất các loại bánh từ bột; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng chuyên doanh
- Sản xuất ca cao, sôcôla và mít kẹo;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất các sản phẩm nhựa.

3. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các công ty con và công ty liên doanh liên kết sau:

a. Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500446466 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004 và được đăng ký thay đổi lần thứ 5 vào ngày 16 tháng 12 năm 2014.

Tư sở chính tại xóm Đoàn Kết, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500446466 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16/12/2014 là 80.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng chẵn).

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09-DN

Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2015:

	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng	87,5 %	87,5 %

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất: Không.**6. Cơ sở hoạt động liên tục**

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy được.

7. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty Cổ phần May Phú Thành bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được liệt kê dưới đây

Tên đơn vị	Địa chỉ	Quyền biểu quyết
Công ty con		
Công ty TNHH Phú Vĩnh Hưng	Xóm Đoàn Kết, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	87,5%

Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

8. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**8.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

8.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

9. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**9.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

9.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

10. CÔNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cam CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09-DN

Đã được trình kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

a. Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b. Lập dự phòng phải thu khó đòi

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09-DN

Ngày chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05-50 năm
- Máy móc, thiết bị 05-25 năm
- Phương tiện vận tải 01-10 năm
- Thiết bị văn phòng 03-10 năm

b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09-DN

Nghị định kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

III. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

IV. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

V. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 "Chi phí đi vay".

VI. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

VII. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

VIII. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu..

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

IX. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09-DN

Nội tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Các chi phí lãi liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09-DN

Ngày tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09-DN

được chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

2. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, gia công và kinh doanh hàng may mặc

Khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Được thực hiện vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Được trình bày cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị : VND

TÀI SẢN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối quý I/2016	Số đầu năm
Tổng tài sản	2,015,874,311	2,796,231,360
Tài sản ngắn hạn	1,656,568,622	4,524,903,455
Tài sản ngắn hạn VND	1,610,520,146	4,494,778,481
Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh	503,914,161	501,529,677
Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Nguyễn Trãi	1,217,161	1,217,161
Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	65,045	7,624,100
Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	7,612,545	7,612,545
Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	58,206,436	3,252,653,892
Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Tràng An	274,466,258	518,963,602
Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Nguyễn Trãi	1,091,420	1,118,516
Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	2,913,116	2,913,116
Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Minh	155,567	820,479
Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	7,506,687	72,986,662
Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	890,000	1,000,000
Đầu tư Phát triển Việt Nam - Hà Nội (SHB)	2,554,003	2,554,003
Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	58,466,935	120,343,401
Đầu tư Phát triển Việt Nam - TPBank	527,703	
Đầu tư Phát triển Việt Nam - TK tiền vay	687,876,782	
Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	2,019,552	2,404,552
Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	1,036,775	1,036,775
Tài sản ngắn hạn USD	46,048,476	30,124,974
Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	6,675,778	6,675,778
Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	13,474,265	13,474,265
Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	16,148,202	224,700
Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	28,371	28,371
Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Nguyễn	8,672,073	8,672,073
Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	206,000	206,000
Đầu tư Phát triển Việt Nam - Hà Nội (SHB)	843,787	843,787
Tài sản chuyển	6,567,353	6,567,353
Tài sản tương đương tiền		
	3,679,010,286	7,321,134,815

. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối quý 1/2016			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
b1) Ngắn hạn						
b2) Dài hạn						
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18,420,000,000	(*)	-	18,420,000,000	(*)	-
Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP	-	-	-	-	(*)	-
Công ty CP Dệt may Supertex - tỷ lệ sở hữu 19%	3,420,000,000	(*)	-	3,420,000,000	(*)	-
Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường	-	-	-	-	(*)	-
Công ty CP Đầu tư NHP - tỷ lệ sở hữu 10%	15,000,000,000	(*)	-	15,000,000,000	(*)	-
Cộng	18,420,000,000	(*)	-	18,420,000,000	(*)	-

(*). Xem thuyết minh 4.5- Giá trị hợp lý trang 43.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG PHỤ LỤC MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Được lập và chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối quý I/2016</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	32,312,899,676	29,776,495,364
Phải thu khách hàng trong nước (chỉ tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	15,069,417,041	13,538,436,097
- Công ty Cổ phần Đầu Tư K&G Việt Nam	2,697,169,700	503,749,700
- Công ty TNHH Thương Mại Tổng Hợp Shinhwa Việt Nam	2,611,738,000	772,200,000
- Công ty TNHH Thương mại NTG Việt Nam	4,963,602,050	4,350,700,450
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Quang Minh	2,505,612,417	2,505,612,417
- Công ty TNHH TM XD Hoàng Yến	2,291,294,874	5,406,173,530
Các khách hàng khác	17,243,482,635	16,238,059,267
Cộng	32,312,899,676	29,776,495,364
b) Phải thu khách hàng dài hạn (Chỉ tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu)	-	-
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan	-	-
Cộng	-	-

TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2,819,813,372	2,708,766,802
Trả trước cho người bán (chỉ tiết chiếm từ 10% trở lên tổng khoản trả trước)	2,149,886,988	2,123,951,858
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Phú Mỹ	-	352,000,000
- Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du	80,000,000	80,000,000
- Zhejiang Jinwang Chemical Fiber Co.LTD	-	191,956,500
- Shaoxing Golden Gulf Import & Export Co.ltd	578,291,630	-
- Công ty TNHH Nam Việt	499,995,858	499,995,858
- Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Đông Đô	500,000,000	500,000,000
- Công ty Cổ phần XNK Bốn Mùa	491,599,500	499,999,500
- Các khách hàng khác	669,926,384	584,814,944
Cộng	2,819,813,372	2,708,766,802

PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>Số cuối quý I/2016</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu về cho vay	9,500,000,000	-	8,500,000,000	-
- Bà Nguyễn Thị Hòa (i)	2,950,000,000	-	2,950,000,000	-
- Ông Tạ Duy Khánh (ii)	2,000,000,000	-	2,000,000,000	-
- Ông Tạ Duy Lư (iii)	1,750,000,000	-	1,750,000,000	-
- Ông Tạ Tương Nguyên (iv)	1,800,000,000	-	1,800,000,000	-
- Ông Nguyễn Văn Sang (v)	1,000,000,000	-	-	-
Cộng	9,500,000,000	-	8,500,000,000	-

(i) Cho bà Nguyễn Thị Hòa vay số tiền 1.950.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PT/2015: số 03 ngày 25/03/2015 thời hạn vay 12 tháng cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BALANCE SHEET MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

được thành lập kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

- 10) Cho bà Nguyễn Thị Hòa vay số tiền 1.000.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HDCV-PT/2015: số 04 ngày 27/03/2015, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.
- 11) Cho ông Tạ Duy Khánh vay số tiền 1.000.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HDCV-PT/2015: số 06 ngày 20/07/2015, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.
- 12) Cho ông Tạ Duy Khánh vay số tiền 1.000.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HDCV-PT/2015: số 07 ngày 04/08/2015, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.
- 13) Cho ông Tạ Duy Lư vay số tiền 2.500.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HDCV-PT/2015: số 02 ngày 25/03/2015, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.
- 14) Cho ông Tạ Tương Nguyên vay số tiền 1.800.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HDCV-PT/2015: số 05 ngày 31/03/2015, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.
- 15) Cho ông Nguyễn Văn Sang vay số tiền 1.000.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HDCV-PT/2016: số 01 ngày 10/01/2016, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.

PHẢI THU KHÁC

	Số cuối quý I/2016		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	2,047,792,875	-	2,394,506,763	-
- Các khoản phải thu khác	2,047,792,875	-	2,394,506,763	-
- Phải thu về lãi cho vay	261,402,778	-	608,116,666	-
- Phải thu tiền hoàn thuế	1,786,390,097	-	1,786,390,097	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	2,047,792,875	-	2,394,506,763	-

HÀNG TỒN KHO

	Số cuối quý I/2016		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên vật liệu	66,301,087,671	-	68,946,609,430	-
Công cụ, dụng cụ	306,289,355	-	330,933,670	-
Chi phí SXKD dở dang	113,593,071	-	112,074,987	-
Thành phẩm nhập kho	18,401,462,939	(44,756,000)	11,864,215,987	(44,756,000)
Hàng hóa	11,199,164,233	-	8,078,907,690	-
Cộng	96,321,597,269	(44,756,000)	89,332,741,764	(44,756,000)

TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối quý I/2016		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	5,169,308,000	5,169,308,000	5,123,630,200	5,123,630,200
- Sửa chữa lớn TSCĐ	322,155,000	322,155,000	-	-
- Xây dựng nhà xưởng	4,847,153,000	4,847,153,000	5,123,630,200	5,123,630,200
Tổng cộng	5,169,308,000	5,169,308,000	5,123,630,200	5,123,630,200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo) -
kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B09-DN/HN

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Đơn vị : VND				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	12,995,512,997	64,669,901,491	1,216,178,182	1,701,795,000	80,583,387,670
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	152,100,000	-	-	152,100,000
- Chuyển sang BĐSĐT	-	152,100,000	-	-	152,100,000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	152,100,000	-	-	152,100,000
Số dư cuối năm	12,995,512,997	64,517,801,491	1,216,178,182	1,701,795,000	80,431,287,670
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3,157,708,505	21,175,937,427	259,374,649	542,118,261	25,135,138,842
Tăng trong năm	320,811,882	1,573,771,992	50,674,092	96,939,252	2,042,197,218
- Số khấu hao trong năm	320,811,882	1,573,771,992	50,674,092	96,939,252	2,042,197,218
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	152,100,000	-	-	152,100,000
- Thanh lý, nhượng bán	-	152,100,000	-	-	152,100,000
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3,478,520,387	22,597,609,419	310,048,741	639,057,513	27,025,236,060
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	9,837,804,492	43,493,964,064	956,803,533	1,159,676,739	55,448,248,828
2. Tại ngày cuối năm	9,516,992,610	41,920,192,072	906,129,441	1,062,737,487	53,406,051,610

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B09-DN/HN

II . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	475,200,000				475,200,000
Tăng trong năm					
- Mua trong năm					
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
- Tăng khác					
Giảm trong năm					
- Chuyển sang BĐSĐT					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	475,200,000				475,200,000
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	83,918,304				83,918,304
Tăng trong năm					
- Số khấu hao trong năm	9,099,576				9,099,576
- Tăng khác					
Giảm trong năm					
- Chuyển sang BĐSĐT					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	93,017,880				93,017,880
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	391,281,696				391,281,696
2. Tại ngày cuối năm	382,182,120				382,182,120

ÉT MINIP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

hình kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

ÀI VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị : VND

	Số cuối quý I/2016		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	63,559,024,084	63,559,024,084	33,130,676,490	33,392,637,721	18,696,571,019	18,696,571,019
<i>vay ngắn hạn VND</i>	<i>63,559,024,084</i>	<i>63,559,024,084</i>	<i>33,130,676,490</i>	<i>33,392,637,721</i>	<i>18,696,571,019</i>	<i>18,696,571,019</i>
<i>gân hàng TNHH Indovina - CN Mỹ Đình (1)</i>	<i>24,991,792,545</i>	<i>24,991,792,545</i>	<i>8,783,196,328</i>	<i>8,612,786,234</i>	<i>13,697,381,809</i>	<i>24,821,382,451</i>
<i>gân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh (2)</i>	<i>4,999,189,210</i>	<i>4,999,189,210</i>			<i>4,999,189,210</i>	<i>4,999,189,210</i>
<i>gân hàng Việt Nam Thịnh Vượng PBank (***)</i>	<i>1,666,680,000</i>	<i>1,666,680,000</i>	<i>2,000,000,000</i>	<i>333,320,000</i>		
<i>gân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Tây (3)</i>	<i>31,901,362,329</i>	<i>31,901,362,329</i>	<i>22,347,480,162</i>	<i>20,452,993,128</i>		<i>30,006,875,295</i>
<i>gân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (4)</i>				<i>3,993,538,359</i>		<i>3,993,538,359</i>
<i>ng Chu Danh Lâm</i>	<i>2,000,000,000</i>	<i>2,000,000,000</i>	<i>2,000,000,000</i>			
<i>ng Nguyễn Văn Quang</i>	<i>2,000,000,000</i>	<i>2,000,000,000</i>	<i>2,000,000,000</i>			
<i>ng Đỗ Văn Bình</i>	<i>2,000,000,000</i>	<i>2,000,000,000</i>	<i>2,000,000,000</i>			
Vay dài hạn	15,713,087,266	15,713,087,266		2,151,351,647	5,250,011,000	5,250,011,000
<i>gân hàng TNHH Indovina - CN Đống Đa (5)</i>	<i>13,188,603,766</i>	<i>13,188,603,766</i>		<i>1,760,373,647</i>		<i>14,948,977,413</i>
<i>gân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Tây (6)</i>	<i>2,524,483,500</i>	<i>2,524,483,500</i>	<i>75,421,500</i>	<i>390,978,000</i>	<i>5,250,011,000</i>	<i>2,840,040,000</i>

ÉT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

hính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B09-DN/HN

ộng

79,272,111,350	79,272,111,350	33,130,676,490	35,543,989,368	23,946,582,019	23,946,582,019
----------------	----------------	----------------	----------------	----------------	----------------

ay ngắn hạn

-) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 077/IVBMD-HDHM/2015 ngày 12 tháng 8 năm 2015 vay Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Mỹ Đình; hạn mức tín dụng 10 tỷ đồng; thời hạn vay đến hết ngày 12 tháng 08 năm 2016; lãi suất quy định trong từng khế ước; mục đích vay bổ sung vốn lưu động.
-) Vay ngắn hạn ngân hàng TNHH - chi nhánh Mỹ Đình số 030/IVBMD-HDHM/2015 ngày 01 tháng 04 năm 2015, hạn mức tín dụng 750 USD, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 4,75%/năm.
-) Vay ngắn hạn ngân hàng TNHH - chi nhánh Mỹ Đình số 018/IVBMD-HDHM/2015 ngày 09 tháng 03 năm 2015, hạn mức tín dụng 554.342 USD, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 4,75%/năm.
-) Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6700554/HDTD ngày 23 tháng 11 năm 2015 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh; hạn mức tín dụng 5 tỷ đồng; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất quy định trong từng khế ước; mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.
-) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Tây theo số hợp đồng 01/2015/178257/HDTD ngày 01/07/2015, hạn mức tín dụng 1 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ.
-) Hợp đồng vay Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam- Chi nhánh Trần Duy Hưng số SHBVN/TDH/2013/071 ngày 01 tháng 07 năm 2013, thời hạn vay không quá 12 tháng đối với từng khế ước nhận nợ, hạn mức tín dụng là 4 tỷ đồng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ.

ay dài hạn

-) Vay ngân hàng TNHH Indovina Chi nhánh Đống Đa theo Hợp đồng tín dụng số 005/IVBMD-HDTD/2013 ngày 02 tháng 01 tháng 2013, hạn mức tín dụng là 17.370 USD, thời hạn vay 5 năm, mục đích vay là để nhập khẩu máy móc, thiết bị.
-) Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HD ngày 27 tháng 12 năm 2013, hạn mức tín dụng là 0.000 USD, thời hạn vay 60 tháng, mục đích sử dụng để mua 30 máy dệt

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO MINH BÁC CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Đã được kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối quý I/2016		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán	15,292,337,504	15,292,337,504	18,491,299,822	18,491,299,822
Các khoản phải trả người bán từ 10% trở lên	9,685,386,570	9,685,386,570	11,825,255,343	11,825,255,343
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất khẩu NHP	871,744,300	871,744,300	1,871,744,300	1,871,744,300
Công ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Tân Phú Mỹ	1,706,382,500	1,706,382,500	352,000,000	352,000,000
Công ty Fengjia Import and Export Co., Ltd	588,509,435	588,509,435	4,029,092,114	4,029,092,114
Shanghai Corporation	257,224,022	257,224,022	1,987,211,150	1,987,211,150
Shanghai Textile (HK) Co., Ltd	6,261,526,313	6,261,526,313	3,585,207,779	3,585,207,779
Các khoản phải trả người bán	5,606,950,934	5,606,950,934	6,666,044,479	6,666,044,479
	15,292,337,504	15,292,337,504	18,491,299,822	18,491,299,822
Các khoản phải trả người bán	-	-	-	-
Phải trả người bán là bên liên quan	-	-	-	-
	-	-	-	-

PHẢI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản mua trả tiền trước ngắn hạn	3,873,921,114	2,789,827,098
Các khoản mua trả tiền trước (chỉ tiết chiếm từ 10% trở xuống)	3,090,818,025	2,336,354,226
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP	868,000,000	868,000,000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu T&C Việt Nam	800,000,000	800,000,000
Công ty TNHH TM và DV Phương Nam	209,029,548	209,029,548
Công ty TNHH Trường Thọ Phát	133,627,081	133,627,081
Công ty Towa Mokugyo Inc	1,080,161,396	325,697,597
Các khoản hàng khác	783,103,089	453,472,872
	3,873,921,114	2,789,827,098

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối năm
Thuế nộp (chỉ tiết trong loại thuế)				
Thuế GTGT	1,264,358			1,264,358
Thuế TNDN	4,210,925,598	741,636,343		4,952,561,941
Các loại thuế khác	275,309,970			275,309,970
	4,487,499,926	741,636,343	-	5,229,136,269

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BALANCE SHEET MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Được kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuế GTGT	1,903,404	4,744,654,036	4,744,654,036	1,903,404
Thuế TNCN	8,081,870			8,081,870
	9,985,274	4,744,654,036	4,744,654,036	9,985,274

Thuế môn thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Chi phí kiểm toán

Số cuối năm	Số đầu năm
130,000,000	130,000,000
130,000,000	130,000,000

PHÍ PHẢI TRẢ KHÁC

Phải trả

Phải trả BHXH

Phải trả BHYT

Phải trả bảo hiểm thất nghiệp

Số cuối quý I/2016	Số đầu năm
200,749,171	35,601,877
159,654,547	29,186,377
29,059,601	4,441,500
12,035,023	1,974,000
200,749,171	35,601,877

VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị : VND Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	96,000,000,000	-	0		30,109,031,366	2,749,719,927	128,858,751,293
Tăng vốn trong năm trước							-
Lãi trong năm trước						12,488,120,658	12,488,120,658
Tăng khác						61,899,680	61,899,680
Giảm vốn trong năm trước							-
Phân phối lợi nhuận							-
Lỗ trong năm trước							-
Giảm khác					19,897,747,235	-	19,897,747,235
Số dư đầu năm nay	96,000,000,000	-	-		10,211,284,131	15,299,740,265	121,511,024,396
Tăng vốn trong năm nay							-
Lãi trong năm nay						2,647,092,531	2,647,092,531
Tăng khác							-
Giảm vốn trong năm nay							-
Lỗ trong năm nay							-
Giảm khác					(192,744,501)	-	(192,744,501)
Số dư cuối năm nay	96,000,000,000	-	-		10,404,028,632	17,946,832,796	124,350,861,428

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

được thực vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

	Tỷ lệ	Số cuối quý I/2016	Số đầu năm
Tổng vốn góp của chủ sở hữu			
- Công ty mẹ		-	-
- Các đối tượng khác	100%	96,000,000,000	96,000,000,000
		-	-

Chiều hướng về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý I/2016	Số đầu năm
Tổng số tiền của chủ sở hữu		
- Đầu năm	96,000,000,000	96,000,000,000
- Tăng trong năm	-	-
- Giảm trong năm	-	-
- Cuối năm	96,000,000,000	96,000,000,000

Chiều hướng lợi nhuận đã chia

	Số cuối quý I/2016	Số đầu năm
Tổng số phiếu đăng ký phát hành	9,600,000	9,600,000
Tổng số phiếu đã bán ra công chúng	9,600,000	9,600,000
Tổng số phiếu ưu đãi	9,600,000	9,600,000
Tổng số phiếu được mua lại		
Tổng số phiếu đang lưu hành	9,600,000	9,600,000
Tổng số phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần	9,600,000	9,600,000

	Năm nay	Năm trước
Tổng số tiền trên cổ phiếu	2,839,837,032	-
Tổng số tiền điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận khả phân	-	-
Tổng số tiền phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
- Lợi nhuận khả phân	2,647,092,531	(267,786,444)
- Lợi nhuận khả phân	9,600,000	1,703,425
Tổng số tiền trên cổ phiếu	296	(157)

Tổng số tiền và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Số 100 Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Các khoản bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh	
DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Quý I/2016
Doanh thu bán, gia công quần áo	6,972,943,956
Doanh thu bán các loại vải sợi	8,574,672,500
Doanh thu bán tất	7,209,883,365
Doanh thu hàng hóa khác	180,000,000
	22,937,499,821
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	Quý I/2016
Chi phí bán hàng	87,274
	87,274
DOANH THU VÀ VỐN HÀNG BÁN	Quý I/2016
Doanh thu bán, gia công quần áo	5,095,709,742
Doanh thu bán các loại vải sợi	1,499,589,564
Doanh thu bán tất	9,643,183,190
Doanh thu hàng hóa khác	173,724,877
	16,412,207,373
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Quý I/2016
Thu nhập lãi, cho vay	707,614,371
Thu nhập hoạt động bán chứng khoán	13,433,876
Thu nhập chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	
Thu nhập chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	
	721,048,247
CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Quý I/2016
Chi phí lãi vay	1,619,084,300
Chi phí hoạt động chứng khoán	15,171,744
Chi phí chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	
Chi phí chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	
	1,634,256,044
DOANH NHẬP KHÁC	Quý I/2016
Thu nhập khác	51,092,000
	51,092,000
CHI PHÍ KHÁC	Quý I/2016
Chi phí khác	48,708,340
	48,708,340

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Km CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO MINH BÁC CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

được kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	1,606,506,513	
Các khoản chi phí bán hàng	800,416,880	
Chi phí nhân công	425,620,000	
Chi phí bảo hành		
Chi phí lệ phí		
Chi phí thương mại phân bố	125,000,000	
Chi phí khấu hao	201,039,405	
Chi phí trả trước	48,757,475	
Các khoản chi phí QLDN khác	805,089,633	
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ:	428,401,255	
Các khoản chi phí bán hàng	380,396,356	
Chi phí nhân công	135,225,000	
Chi phí thuê cửa hàng Vincom và Time City	82,668,000	
Chi phí khấu hao		
Các khoản chi phí bán hàng khác	162,503,356	
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
	2,034,907,768	

CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Quý I/2016

Lợi nhuận kế toán trước thuế	3,581,473,375	
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế		
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế		
Được chuyển từ các năm trước		
Lợi nhuận chịu thuế	3,581,473,375	
Thuế suất thuế TNDN	20%	
Thuế TNDN hiện hành	-	

CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Quý I/2016

Nguyên liệu, vật liệu	12,347,486,675	
Chi phí nhân công	2,349,422,000	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,979,035,832	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,445,708,512	
Chi phí tăng tiền khác	2,978,220	
	18,124,631,239	

Chi phí bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chi phí tăng tiền khác

TRÌNH SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Trình bày những sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

1) CÁO BỘ PHẬN

1) cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị: VND

tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty

ay

IẾU	Tất	Quần áo	Sợi, vải các loại	Hạt nhựa	Khác	Tổng cộng
thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ngoài	10,906,992,045	6,972,856,682	18,124,961,520		180,000,000	36,184,810,247
thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ c bộ phận						
1	7,080,755,342	5,321,630,287	17,309,415,112		173,724,877	29,885,525,618
oanh thu thuần về bán hàng và cung cấp	10,906,992,045	6,972,856,682	18,124,961,520	-	180,000,000	36,184,810,247
ì kinh doanh theo bộ phận	3,826,236,703	1,651,226,395	815,546,408	-	6,275,123	6,299,284,629
ì phí không phân bổ theo bộ phận						2,034,907,768
ận từ hoạt động kinh doanh						4,264,376,861
thu hoạt động tài chính						721,048,247
ì tài chính						1,634,256,044
ập khác						53,092,106
ì khác						48,708,340
ì thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						741,636,343
ì thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						
uận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						2,613,916,487
hi phí đã phát sinh để mua tài sản cố						
ì các tài sản dài hạn khác						
hi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả						
lãi hạn						2,203,265,640

ÉT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 hình kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B09-DN/HN

*Giá trị các khoản chi phí lớn không bằng
 ừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí
 ớc dài hạn)*

ước

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Tất	Quần áo	Sợi các loại	Hạt nhựa	Khác	Tổng cộng
thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ngoài	18,583,408,651	42,246,612,505	25,848,594,840	2,772,727,273	1,277,398,000	90,728,741,269
thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ c bộ phận						
í phí không phân bổ theo bộ phận	9,268,125,193	33,557,626,520	24,977,357,081	2,772,727,273	1,257,001,931	71,832,837,998
oanh thu thuần về bán hàng và cung cấp	18,583,408,651	42,246,612,505	25,848,594,840	2,772,727,273	-	90,728,741,269
ì kinh doanh theo bộ phận	9,315,283,458	8,688,985,985	871,237,759		20,396,069	18,895,903,271
í phí không phân bổ theo bộ phận						7,284,793,412
ận từ hoạt động kinh doanh						11,611,109,859
thu hoạt động tài chính						12,864,479,236
í tài chính						7,473,488,084
ập khác						5,092,000
í khác						382,136,279
í thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						4,009,626,000
í thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						
uận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						12,615,430,732
hi phí đã phát sinh để mua tài sản cố ừ các tài sản dài hạn khác						19,655,575,891

ÊT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)
 hình kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B09-DN/HN

<i>lợi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả lãi trị các khoản chi phí lớn không bằng lãi chi phí khấu hao và phân bổ chi phí lãi dài hạn)</i>						7,561,160,421
--	--	--	--	--	--	---------------

và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Tất	Quần áo	Sợi các loại	Hạt nhựa		TỔNG CỘNG
năm						
trực tiếp của bộ phận		25,322,779,991	65,823,009,686	-	-	131,409,554,317
sản không phân bổ theo bộ phận						103,001,287,519
lãi sản						234,410,841,836
lãi trả trực tiếp của bộ phận		746,509,282	1,940,446,023	-	-	3,873,921,114
lãi trả không phân bổ theo bộ phận						106,186,059,294
ợ phải trả						110,059,980,408
năm						
trực tiếp của bộ phận	20,960,921,325	47,651,533,560	29,155,596,424	3,127,462,745	-	102,336,339,011
sản không phân bổ theo bộ phận						102,609,969,941
lãi sản						204,946,308,952
lãi trả trực tiếp của bộ phận	3,778,942,366	8,590,862,786	5,256,320,408	563,835,019	-	18,449,719,890
lãi trả không phân bổ theo bộ phận	57,644,014,213
ợ phải trả						76,093,734,103

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Số 1, Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tài chính

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối quý 1/2016 VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	1,656,568,622	4,524,903,455
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	18,420,000,000	18,420,000,000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34,360,692,551	32,171,301,723
Cộng	54,437,261,173	55,116,205,178

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

PHIẾU KIỂM MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

được kiểm toán và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 đến 5 năm (VND)	Từ 5 năm trở lên	Cộng
Số cuối năm				
Các khoản vay	69,559,024,084	15,713,087,266		85,272,111,350
Phải trả người bán	15,292,337,504	-		15,292,337,504
Chi phí phải trả	130,000,000	-		130,000,000
Phải trả khác	262,474,171	-		262,474,171
Số đầu năm				
Các khoản vay	63,820,985,315	17,789,017,413		81,610,002,728
Phải trả người bán	18,491,299,822	-		18,491,299,822
Chi phí phải trả	130,000,000	-		130,000,000
Phải trả khác	35,601,877	-		35,601,877

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
ý tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B09-DN/HN

5. Giá trị hợp lý

Đơn vị: VND

- So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	3,679,010,286	3,679,010,286	7,321,134,815	7,321,134,815
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	34,360,692,551	(*)	32,171,301,723	(*)
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	-	(*)	-	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	18,420,000,000	(*)	18,420,000,000	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Vay ngắn hạn	(69,559,024,084)	(69,559,024,084)	(63,820,985,315)	(63,820,985,315)
- Phải trả người bán và phải trả khác	(15,554,811,675)	(15,554,811,675)	(18,526,901,699)	(18,526,901,699)
- Vay dài hạn	(15,713,087,266)	(15,713,087,266)	(17,824,619,290)	(17,824,619,290)
	(44,367,220,188)	(*)	(42,260,069,766)	(*)

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

- Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Nợ phải trả tài chính phi phải sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phải sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mã số thuế: 0310578867

Tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

5. Thông tin về các bên liên quan

a) Công ty có giao dịch trong kỳ và số dư tại ngày 31/03/2016 với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Giá trị giao dịch	Số dư cuối năm (VND)
Ông Tạ Duy Khánh	Người có liên quan đến bà Tạ Thị Nga - Thành viên HĐQT	Cho vay	3,750,000,000	2,000,000,000
Ông Tạ Duy Lư			3,500,000,000	1,750,000,000
Ông Tạ Tương Nguyên			1,800,000,000	1,800,000,000

b) Lương và thù lao chi trả trong kỳ cho các thành viên trong Ban Giám đốc:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND
Ông Nguyễn Việt Tùng	Tổng Giám đốc	24,710,000
Ông Chu Ngọc Cường	Phó Tổng giám đốc	16,960,000
Bà Tạ Thị Nga	Giám đốc công ty con	25,185,000

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần May Phú Thành đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8. Những thông tin

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hợi Nguyễn Thị Hợi

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2016



Nguyễn Việt Tùng